

MỘT SỐ KHÍA CẠNH TRONG BIỂU HIỆN XÚC CẢM CỦA HỌC SINH THIẾU NIÊN

Đào Thị Oanh

Trường ĐHSP Hà Nội.

1. Xúc cảm tình cảm là bản chất của con người xét từ góc độ đạo đức bởi nội dung căn bản của đạo đức là cái Thiện và cái Ác mà Thiện và Ác được hình thành từ tình cảm. Xúc cảm tình cảm có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống và hoạt động của con người. Vì thế, nghiên cứu xúc cảm là nghiên cứu tiền đề hình thành nhân cách.

Trên thế giới hiện nay, trong xu thế giáo dục phát triển toàn diện “con người công nghiệp”, “con người hiện đại”, hầu hết các quốc gia đều nhằm vào những mục tiêu, hay những mặt cơ bản của con người như: trí tuệ, xúc cảm, nhân cách. Có thể mang những tên gọi khác nhau và khác nhau về trọng tâm, mức độ, song giáo dục xúc cảm luôn được coi là quan trọng trong xã hội hiện đại. Đó là vì, xã hội càng phát triển, thì đứa trẻ càng có nhiều nguy cơ phải sống trong môi trường thiếu vắng những xúc cảm tích cực cần thiết cho sự phát triển cá nhân và xã hội. Có lẽ vì thế mà trong một tác phẩm gần đây, Edgar Morin - một nhà triết học, xã hội học người Pháp - đã đặt vấn đề “giáo dục sự đồng cảm” và “giáo dục khả năng đương đầu với những điều bất xác định” như là 2 trong 7 tri thức quan trọng cần phải được đưa vào giảng dạy trong nhà trường hiện đại [7].

2. Nghiên cứu nhằm **mục đích** phát hiện thực trạng biểu hiện xúc cảm của học sinh ở lứa tuổi thiếu niên, trên cơ sở đó, đề xuất một số biện pháp tâm lý – giáo dục nhằm củng cố, phát triển cho các em những biểu hiện xúc cảm tích cực, hạn chế những biểu hiện xúc cảm tiêu cực; hình thành và củng cố cho chúng kỹ năng đương đầu hiệu quả với xúc cảm tiêu cực.

3. Một hệ thống các **phương pháp** nghiên cứu đã được sử dụng như: nghiên cứu lý luận, trắc nghiệm, điều tra viết, quan sát (trong đề tài này, chúng tôi đã ghi hình để phân tích), phỏng vấn sâu, thống kê toán học.

4. **Mẫu nghiên cứu** gồm 2071 học sinh thuộc các khối lớp 6, 7, 8 và 9 của các trường: THCS Thượng Cát, THCS Ba Đình (Hà Nội), THCS Huỳnh

Thúc Kháng, THCS Bình Thủy (Cần Thơ), THCS Lê Anh Xuân, THCS Minh Đức (TP Hồ Chí Minh), THCS Mỗ Lao (Hà Tây); 344 giáo viên và 822 phụ huynh học sinh.

5. Kết quả nghiên cứu

* Qua phân tích các quan niệm lý thuyết khác nhau về xúc cảm của nhiều tác giả trong nước và nước ngoài, đề tài đã dựa vào quan niệm cho rằng *xúc cảm là những rung động thể hiện thái độ đối với hiện thực, có liên quan đến sự thỏa mãn hay không thỏa mãn nhu cầu của cá nhân* để triển khai nghiên cứu thực tiễn.

Đề tài cũng sử dụng một trong các cách phân loại xúc cảm, theo đó, có hai nhóm xúc cảm chủ yếu là: **Xúc cảm tích cực** và **xúc cảm tiêu cực**. Tất nhiên sự phân loại này chỉ mang ý nghĩa tương đối.

* *Thực trạng các biểu hiện xúc cảm của học sinh thiếu niên*

Để đánh giá thực trạng biểu hiện xúc cảm ở học sinh thiếu niên, đề tài sử dụng trắc nghiệm CAH (để định lượng), kết hợp với quan sát, ghi hình [8], phỏng vấn sâu (để phân tích định tính). Kết quả thu được qua xử lý bằng phương pháp thống kê toán học thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1: Biểu hiện xúc cảm của học sinh (N = 2071)

Trạng thái cảm xúc			Điểm TB
1.	Tốt	Xấu	6.09 ± 1.101
2.	Manh mẽ	Yếu ớt	5.64 ± 1.249
3.	Tích cực	Thụ động	2.92 ± 1.768
4.	Muốn làm việc	Không muốn làm việc	2.75 ± 1.727
5.	Vui vẻ	Buồn bã	6.17 ± 1.394
6.	Phấn khởi	Chán nản	5.74 ± 1.469
7.	Sung sức	Yếu mệt	5.57 ± 1.357
8.	Dư thừa sức lực	Kiệt lực	5.08 ± 1.304
9.	Nhanh nhẹn	Chậm chạp	2.54 ± 1.565
10.	Muốn hoạt động	Không muốn động chân tay	2.34 ± 1.583
11.	Hạnh phúc	Bất hạnh	6.11 ± 1.260
12.	Sảng khoái	Uể oải	5.73 ± 1.531
13.	Căng thẳng	Rệu rã	5.06 ± 1.288
14.	Khoẻ mạnh	Ốm đau	6.08 ± 1.239
15.	Hăng hái	Thờ ơ	2.56 ± 1.555
16.	Hồi hộp	Dửng dưng	3.25 ± 1.743
17.	Khoan khoái	Chán chường	5.59 ± 1.384
18.	Vui sướng	Buồn bã	5.81 ± 1.537

19.	Thoải mái	Mỗi mệt	5.72 ± 1.556
20.	Tươi tỉnh	Rầu rĩ	5.88 ± 1.359
21.	Bị thôi thúc	Buồn ngủ	4.47 ± 1.626
22.	Muốn ganh đua	Muốn nghỉ ngơi	4.71 ± 2.008
23.	Bình tĩnh	Lo lắng (lo âu)	5.30 ± 1.848
24.	Yêu đời	Chán đời	6.12 ± 1.390
25.	Dẻo dai	Chóng mệt mỏi	5.13 ± 1.649
26.	Tỉnh táo	Uể oải	5.87 ± 1.421
27.	Đầu óc minh mẫn	Đầu óc mụ mẫm	2.38 ± 1.397
28.	Tập trung tư tưởng	Đãng trí	2.75 ± 1.679
29.	Chứa chan hy vọng	Thất vọng	5.92 ± 1.456
30.	Hài lòng	Bực dọc	5.71 ± 1.556

Theo quy ước, đối với từng biểu hiện, điểm tối đa sẽ là 7, tối thiểu là 1 và trung bình là 3.5 điểm; Đối với toàn bộ trắc nghiệm thì điểm tối đa là 210, tối thiểu là 30 và trung bình là 105. Còn đối với từng nhóm trạng thái xúc cảm: tối đa là 70 điểm, tối thiểu là 10 điểm và trung bình là 15 điểm.

Số liệu thu được cho thấy điểm trung bình ở từng cặp trạng thái là rất khác nhau, dao động từ 2.38 điểm đến 6.17 điểm. Tuy nhiên, số cặp trạng thái có điểm dưới trung bình chiếm xấp xỉ 1/3 (8 cặp), còn lại đều có điểm số trên trung bình, trong đó số cặp có điểm số > 6 điểm là 5. Điều này cho thấy nhìn chung, biểu hiện trạng thái cảm xúc của những học sinh được nghiên cứu là tích cực và phần lớn đạt ở mức tốt. Điều này có thể thấy rõ hơn nếu xem xét điểm tổng trung bình ($\approx 143.94 \pm 16.02$ đ). Tiếp tục xem xét, có thể thấy những điểm số cao nhất chủ yếu thuộc về nhóm trạng thái “sức khỏe” và nhóm “tâm trạng” mà hoàn toàn không có trong nhóm “tính tích cực”. Ngược lại, điểm dưới trung bình hầu như đều rơi vào nhóm “tính tích cực”. Nếu tính tổng điểm trung bình của từng nhóm thì thấy: cao nhất là điểm của nhóm 3 (tâm trạng) ≈ 57.93 đ; Tiếp theo là của nhóm 1 (sức khỏe) ≈ 55.72 đ và thấp nhất là của nhóm 2 (tính tích cực) ≈ 30.42 đ. Cụ thể như sau:

Bảng 2: Điểm số trung bình của từng nhóm trạng thái cảm xúc của học sinh
(N = 2071)

Nhóm	Điểm trung bình
Nhóm 1(1,2,7,8,13,14,19,20,25,26)	55.72 ± 8.512
Nhóm 2 (3,4,9,10,15,16,21,22,27,28)	30.42 ± 9.256
Nhóm 3 (5,6,11,12,17,18,23,24,29,30)	57.93 ± 10.336

So sánh theo giới tính cũng thấy có chung xu hướng như vậy. Số liệu như trong bảng 3.

Bảng 3: So sánh theo giới về điểm số trung bình của từng nhóm biểu hiện trạng thái cảm xúc của học sinh

Nhóm	Giới tính	Điểm trung bình	p
Nhóm 1	Nam (N = 1015)	56.18 ± 8.776	0.442
	Nữ (N = 1056)	55.28 ± 8.230	
Nhóm 2	Nam (N = 1015)	30.49 ± 9.363	0.496
	Nữ (N = 1056)	30.35 ± 9.156	
Nhóm 3	Nam (N = 1015)	57.70 ± 10.289	0.826
	Nữ (N = 1056)	58.14 ± 10.381	

Điểm trung bình của học sinh nam và học sinh nữ ở tất cả các nhóm biểu hiện đều có sự chênh lệch, tuy nhiên, khác biệt là không có ý nghĩa thống kê với $p > 0.05$.

Điều này cũng có thể thấy rõ khi phân tích khác biệt giữa học sinh nam và học sinh nữ ở trắc nghiệm tự đánh giá CAH.

Kết quả này tương tự với kết quả thu được ở một số công trình nghiên cứu trước đây của các tác giả trong nước và nước ngoài [1; 3; 4; 5], qua đó cho thấy thiếu niên nam trải nghiệm sự lo âu, căng thẳng nhiều hơn so với các em gái và các em gái thường cảm thấy tự tin hơn. Có thể là do các em gái trưởng thành sớm hơn các em trai, các cách thức biểu hiện cảm xúc kín đáo hơn, trong khi các trẻ trai tỏ ra hồn nhiên, bộc lộ cảm xúc trực tiếp và bộc phát hơn.

Kết quả thu được cũng cho thấy có sự mâu thuẫn nhất định trong tự đánh giá về trạng thái cảm xúc của học sinh ở lứa tuổi này. Đó là mâu thuẫn giữa sự tự đánh giá về “tính tích cực” của bản thân học sinh với “tâm trạng” và với những trạng thái có liên quan tới “sức khỏe” sinh lý thể chất: một mặt các em luôn tự cho mình là “mạnh mẽ”, “vui vẻ”, “yêu đời”, “hạnh phúc”, “tươi tỉnh”, “sung sức”..., nhưng cùng lúc đó lại cảm thấy “thụ động”, “không muốn làm việc”, “không muốn động chân tay”, “đầu óc mụ mẫm” không tập trung được. Điều này có thể lý giải bằng đặc điểm phát triển tâm sinh lý của lứa tuổi này do sự chi phối của quy luật về tính mất cân đối tạm thời trong sự phát triển cá nhân của trẻ. Và chính đây là điều làm cho bản thân thiếu niên vấp phải những khó khăn không nhỏ. Tương tự, sự khác biệt rõ rệt giữa nữ và nam thiếu niên vừa được đề cập ở trên cũng có thể được giải thích bằng quy luật về tính không đồng đều trong sự chín muồi giới tính, kéo theo những khác biệt về tâm lý, trong đó có khác biệt về cảm xúc.

So sánh theo địa bàn thấy có sự khác biệt về điểm số ở tất cả các cặp biểu hiện với khuynh hướng chung là: điểm số trung bình của học sinh nông thôn cao hơn của học sinh thành thị ở các biểu hiện dương tính và thấp hơn học sinh thành thị ở các biểu hiện âm tính. Tuy nhiên, chỉ có 16/30 cặp biểu hiện có khác biệt rõ rệt với $p < 0.05$, trong đó tập trung hoàn toàn ở nhóm 3 (tâm trạng) và một phần ở nhóm 1 (sức khỏe) và nhóm 2 (tính tích cực). Có thể giải thích sự khác biệt này bằng yếu tố hoàn cảnh sống và môi trường sống của học sinh nông thôn. Đó là một môi trường thiên nhiên và cộng đồng xã hội thân thiện kết hợp với một cuộc sống thường xuyên hoạt động thể chất (để phụ giúp gia đình những việc vặt trong nhà hoặc việc đồng áng) nên dường như tuổi thơ của các em trôi qua tương đối ít áp lực và bình yên hơn. Điều này có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển về mặt xúc cảm ở các em. Tuy nhiên, khi xem xét điểm tổng trung bình của học sinh vùng thành thị và nông thôn thấy xu hướng chung là có khác biệt nhưng không rõ rệt.

So sánh theo khối lớp:

Bảng 4: Điểm trung bình các biểu hiện trạng thái cảm xúc của học sinh các khối lớp (N = 2071)

Khối lớp	Điểm trung bình	p
6	144.5597 ± 15.99942	0.154
7	144.3476 ± 14.68600	
8	144.2613 ± 16.93017	
9	142.5287 ± 16.40726	
Tổng cộng	143.9329 ± 16.02068	

Số liệu thu được cho thấy:

- Điểm trung bình các biểu hiện trạng thái cảm xúc của tất cả các khối lớp đều đạt mức cao hơn giá trị trung bình khá nhiều, thể hiện một xu hướng tích cực và dao động từ giá trị thấp nhất là 142.52đ (lớp 9) đến 144.55đ (lớp 6). Tuy nhiên, khác biệt giữa các khối lớp là không rõ rệt với $p > 0.05$ nên không có ý nghĩa về mặt thống kê.

*** Kết luận chung:**

- Biểu hiện xúc cảm của những học sinh được nghiên cứu chủ yếu là tích cực với điểm cao nhất thuộc về nhóm “Tâm trạng” và thấp nhất thuộc về nhóm “Tính tích cực”.

- Có sự khác biệt giữa học sinh nam và học sinh nữ; giữa học sinh thành thị và nông thôn; giữa học sinh các khối lớp nhưng sự khác biệt là không rõ rệt

với $p > 0.05$. Điều này thể hiện một đặc điểm chung của lứa tuổi này trong biểu hiện xúc cảm. Tuy nhiên, khi xem xét từng biểu hiện cụ thể thì thấy ở một số cặp có sự khác biệt rõ rệt, thể hiện rõ đặc điểm giới tính và ảnh hưởng của quá trình chín muồi sinh học đến sự phát triển xúc cảm của học sinh lứa tuổi này.

- Kết quả thu được còn cho thấy, những biểu hiện xúc cảm tiêu cực ở thiếu niên mà chúng ta nghe thấy qua các nguồn thông tin khác nhau, hoặc thậm chí nhìn thấy, chỉ là những hiện tượng mang tính cá biệt, đơn lẻ chứ không thể phản ánh thực trạng chung của tất cả thiếu niên. Nhưng từ góc độ giáo dục, đây là điều cần phải được quan tâm đúng mức vì sự phát triển lành mạnh, bền vững của tất cả trẻ em. Qua đó cũng cho thấy việc trang bị cho trẻ em những kiến thức, kỹ năng để đương đầu hiệu quả với các xúc cảm tiêu cực là vô cùng cần thiết.

Từ những kết quả thu được đề tài đã đề xuất một số biện pháp tâm lý – giáo dục nhằm giúp củng cố những xúc cảm tích cực, hạn chế những biểu hiện xúc cảm tiêu cực cho học sinh thiếu niên.

Tài liệu tham khảo

1. Daniel Goleman (2002). *Trí tuệ xúc cảm*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Hergenhahn B.R (2003). *Nhập môn lịch sử Tâm lý học*. NXB Thống kê, Hà Nội.
3. Ngô Công Hoàn (2006). *Những biểu hiện xúc cảm và những biện pháp giáo dục xúc cảm cho trẻ từ 1-3 tuổi*. Đề tài KHCN cấp Bộ, trường ĐHSP Hà Nội.
4. Lê Khanh (2007). *Ý thức và vô thức trong lĩnh vực xúc cảm – Tình cảm con người*. T/c Tâm lý học, số 10/2007.
6. Nguyễn Công Khanh (2005). *Xúc cảm, tình cảm và các kỹ năng xã hội ở học sinh THPT*. T/c Tâm lý học, số 6/2005.
7. Đào Thị Oanh (2007). *Vấn đề nhân cách trong Tâm lý học ngày nay*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
8. Edgar Morin (2008). *Bảy tri thức tất yếu cho nền giáo dục tương lai*. NXB Tri thức, Hà Nội.
9. Trần Trọng Thuỷ (2002). *Bài tập thực hành tâm lý học*. NXB ĐHQG Hà Nội.